

Số: 123/2024/QĐCNTTLH

D, ngày 12 tháng 8 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN**  
**CỦA CÁC BÊN THAM GIA HÒA GIẢI TẠI TÒA ÁN**

Căn cứ vào các Điều 32, 33, 34 và 35 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của bà **Đặng Chung T** và ông **Nguyễn Thái L**.

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 7 năm 2024 về việc yêu cầu ly hôn của bà **Đặng Chung T**.

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 26 tháng 7 năm 2024 về thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải sau đây:

Bà **Đặng Chung T**, sinh năm 2000

Ông **Nguyễn Thái L**, sinh năm 1997

Cùng địa chỉ: **Tổ dân phố P, thị trấn D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.**

Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 26 tháng 7 năm 2024 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 26 tháng 7 năm 2024, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà **Đặng Chung T** và ông **Nguyễn Thái L** tự nguyện thỏa thuận thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà **Đặng Chung T** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là **Nguyễn Ngọc Linh N** (sinh ngày 23/9/2021). Ông **Nguyễn Thái L** cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng), thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 08/2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Ông **L** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, bà **T**, ông **L** có quyền

yêu cầu Tòa án có thẩm quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Bà **T**, ông **L** xác định không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác:

Quy định: Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành đủ số tiền cấp dưỡng nêu trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán, mức lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thái Bảo N1**